

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 801/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 31/8/2018

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Nguyễn Lê Thiên Hương**

2/ Bà **Lê Phan Thị Minh Nguyệt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2018/TLPT-HNGĐ ngày 11/6/2018 về việc “Ly hôn”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3324/2018/QĐ-PT ngày 31/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1989

Địa chỉ: căn hộ F7-A12 chung cư H2, số 307 đường N, khu phố 6, Phường By, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 16, Đường 8, khu phố 4, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Lê Quang D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: căn hộ F7-A12 chung cư H2, số 307 đường N, khu phố 6, Phường By, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: ông Lê Quang D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Bà và ông Lê Quang D kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2014, quyền số 02/2004 ngày 24/5/2014.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, có một người con chung tên Lê Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/4/2015. Sau đó, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm rạn nứt. Nguyên nhân là do ông D có hành vi đánh đập bà. Bà đã nhiều lần tha thứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không kết quả. Từ tháng 7/2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn ông D.

Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Quang D trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của bà B về quan hệ hôn nhân, về con chung là đúng. Đối với yêu cầu ly hôn của bà B, ông đồng ý; còn yêu cầu về việc được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung ông không chấp nhận vì bà B không có đủ điều kiện đảm bảo mọi quyền lợi tốt nhất cho người con.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận H đã tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Lê Quang D. Quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2014, quyền số 02/2014 ngày 24/5/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ được chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về tài sản và nợ chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc B về quyền trực tiếp nuôi con đối với cháu Lê Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/4/2015. Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/4/2018, ông Lê Quang D có đơn kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận H về con chung. Ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Lê Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/4/2015; không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B yêu cầu giữ nguyên nội dung án sơ thẩm về phần giải quyết việc nuôi con chung. Hiện tại bà đang ở nhà thuê cùng với 02 người em nên có thể hỗ trợ bà đưa đón, chăm sóc con. Bà thừa nhận ông D có tình cảm và cũng trực tiếp chăm sóc con tốt nhưng bà không đồng ý giao con cho ông D nuôi.

Bị đơn ông Lê Quang D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo vì so với bà B ông có đủ điều kiện đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con hơn. Nếu được nuôi con ông không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa .

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi con Lê Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/4/2015. Xét thấy, bà B và ông D có công việc ổn định, tuy ông D có điều kiện hơn trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ V nhưng trẻ V là bé gái, tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Từ tháng 7/2017 khi đôi bên ly thân trẻ V ở với mẹ; bà B cũng quan tâm, chăm sóc, tạo điều kiện cho con phát triển về thể chất, tinh thần. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà B giao bà B trực tiếp nuôi con là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Quang D làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Quang D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về con chung: Lời khai ông D, bà B cùng xác nhận đôi bên có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/4/2015. Án sơ thẩm tuyên xử bà B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con. Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm ý kiến ông D không đồng ý giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng do ông có điều kiện kinh tế nuôi con.

Xét, nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con của ông D và bà B đều xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con. Nhưng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho người con được phát triển toàn diện về tinh thần lẫn thể chất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Án sơ thẩm đã xem xét toàn diện về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con. Theo đó, thì ông D có công việc ổn định, thu nhập tốt, có thời gian đưa đón con đi học, ông D cũng rất gần gũi, yêu thương con, tình cảm cha con gắn bó. Đặc biệt, ông D có nơi cư trú ổn định, có nhà riêng, đang sống cùng mẹ đẻ trong khi đó hiện tại bà B đang ở nhà thuê, bà B cũng thừa nhận điều kiện cư trú, sinh hoạt tại nơi bà ở không ổn định lâu dài, ảnh hưởng không tốt về tâm lý, sức khỏe của con. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên xử giao con cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là chưa đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét, hiện nay trẻ V đã trên 36 tháng tuổi, trẻ chỉ sống cùng mẹ từ khi vợ chồng ly thân. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong điều kiện tốt hơn nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm để ông D là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ V. Xét, kháng cáo của ông D phù hợp quy định của pháp luật có cơ sở chấp nhận; Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là chưa phù hợp thực tế và quy định pháp luật như đã phân tích ở trên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ông D tự nguyện không yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông có khả năng kinh tế để lo cho con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm bà B phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm do sửa bản án sơ thẩm nên ông D không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Quang D; sửa một phần án sơ thẩm về con chung;

Tuyên xử:

1. Về con chung: Ông Lê Quang D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Lê Nguyễn Thảo V, sinh ngày 14/4/2015. Ghi nhận việc ông Lê Quang D tự nguyện không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu, căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà B đã nộp tại Biên lai thu tiền số AE/2014/0008402 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Lê Quang D không phải chịu, trả lại ông D tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0015127 ngày 26/4/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị; Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận Quận H, TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, TP HCM;
- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

